

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2021

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Lâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Lộc và ông Nguyễn Thế Anh
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Hồ Thị Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:*
Bà Phạm Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: 162/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm 6, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Tr, sinh năm 1981

Đại diện theo pháp luật của anh Trang: Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1957 và bà Tô Thị T, sinh năm 1959 (bố mẹ anh Tr).

Đều trú tại: Xóm 6, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021, được bổ sung tại bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau vào ngày 14/5/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, Nghệ An. Sau khi cưới, chị và anh Tr sống cùng với bố mẹ anh Tr tại xóm 6, xã H nhưng chung sống một thời gian dài mà vẫn không có con. Trước khi kết hôn và trong quá trình chung sống anh Trang

là người bị bệnh về thiếu năng não. Khi sống với nhau bệnh tình anh Tr ngày càng nặng hơn và phải điều trị bằng thuốc của bệnh viện tâm thần nên anh Tr không có khả năng sinh con. Năm 2011, chị đã bỏ về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không đi lại và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện D giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng Tr.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2021, đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Trọng Tr – ông Nguyễn Trọng S và bà Tô Thị T (bố mẹ anh Tr) trình bày:*

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Trọng Tr và chị Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau vào ngày 14/5/2008, việc kết hôn là tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới anh Tr, chị Q cùng chung sống với vợ chồng ông bà tại xóm 6, xã H. Quá trình chung sống, chị Q thường xuyên gọi điện gặp bạn trai và hẹn nhau đi. Sau đó chị Q có thai cùng người đàn ông khác không phải chồng mình nhưng cũng không giữ được. Đến khoảng năm 2011 thì chị Q đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống mà không xin phép và cũng không thấy nói lại gì với gia đình ông bà. Trước khi kết hôn, anh Tr bị chậm phát triển nhận thức, nhưng sau đó bệnh tình ngày càng nặng và phải nhập viện tâm thần ngày 18/7/2008. Hiện nay anh Tr vẫn đang tiếp tục uống thuốc và điều trị bệnh tâm thần thường xuyên. Chị Q đã không những không một lòng một dạ chăm sóc con trai ông bà khi ốm đau mà còn có quan hệ với người đàn ông khác nên nay chị Q yêu cầu xin ly hôn gia đình cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị Q.

- Về con chung: Anh Tr và chị Q không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Trọng Tr là người bị bệnh tâm thần nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

* Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Trọng S và bà Tô Thị T đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng do anh Nguyễn Trọng Tr là người bị bệnh

tâm thần nên không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Trọng Tr; về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Nguyễn Trọng Tr có đăng ký hộ khẩu tại xã H, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Trọng Tr theo quy định của pháp luật nhưng do anh Tr là người bị bệnh tâm thần nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, căn cứ khoản 3, Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp này Tòa án căn cứ vào quy định tại điều 53 BLDS chỉ định ông Nguyễn Trọng S và bà Tô Thị T (Bố mẹ đẻ của anh Tr) làm người đại diện và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào các Điều 70, điều 207, khoản 1 khoản 3 Điều 228 BLTTDS 2015 để giải quyết và xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Trọng Tr.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh Tr là hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; anh Tr, chị Q đã sống với nhau một thời gian dài nhưng vẫn không có con nên làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay Tr lại bị bệnh tâm thần nên vợ chồng cũng không thể tiếp tục chung sống. Quá trình làm việc tại Tòa án chị Q xác định không còn tình cảm gì với anh Tr, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Tr. Anh Tr là người bị bệnh tâm thần nên không trực tiếp tham gia việc lấy lời khai, đại diện hợp pháp của anh Tr là ông Nguyễn Trọng S và bà Tô Thị T (bố mẹ đẻ anh Tr) đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Ông S, bà T cho rằng

trong quá trình chung sống, chị Q đã không hết lòng chăm sóc anh Tr khi ốm đau, không chung thủy và đã tự ý bỏ về nhà ngoại từ năm 2011 đến nay, không đi lại, chấm dứt mọi quan hệ nên đồng ý giải quyết cho ly hôn. Tòa án cũng đã xác minh tại Bệnh Viện tâm thần Nghệ An thì cho thấy anh Nguyễn Trọng Tr có quá trình điều trị bệnh tâm thần từ năm 2013 đến 2016, đây là bệnh mãn tính cần điều trị lâu dài, hiện tại anh Tr được ông S, bà T lấy thuốc về điều trị tại nhà. Tòa án đã có văn bản đề nghị ông S, bà T đưa anh Tr đi giám định và làm thủ tục tuyên bố anh Tr mất năng lực hành vi dân sự, nhưng người đại diện diện theo pháp luật của anh Tr (ông S bà T) cũng từ chối việc đưa anh Tr đi giám định để làm thủ tục tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của chị Q, anh Tr không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần căn cứ quy định chung của pháp luật để giải quyết vụ án và áp dụng khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Trọng Tr là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời gian quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 3 Điều 53 BLDS 2015

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Trọng Tr.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Án phí:* Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện D theo biên lai thu tiền số 0001941 ngày 15/3/2021. (Chị Q đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q, người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Nguyễn Trọng Tr) là ông Nguyễn Trọng S, bà Tô Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự D;
- UBND xã H, huyện D, Nghệ An.
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm